



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho  
kỳ sáu tháng kết thúc ngày  
30 tháng 6 năm 2017



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy phép thành lập và  
hoạt động số**

0104000473

ngày 19 tháng 9 năm 2006

Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được điều chỉnh, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy phép Thành lập và Hoạt động số 06/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 2 năm 2015. Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 21/UBCK-GPĐCQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007.

**Hội đồng Quản trị**

Bà Nguyễn Thị Ngọc  
Ông Phan Phương Anh  
Bà Nguyễn Thị Như Trang

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Phan Phương Anh  
Ông Nguyễn Đức Hải  
Bà Trương Thị Hương Trà

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Minh Đức  
Bà Lê Minh Hồng  
Bà Đỗ Thị Thanh Huyền  
Bà Phạm Thị Kim Ngân

Trưởng ban  
*(bổ nhiệm ngày 20/04/2017)*  
Trưởng ban  
*(miễn nhiệm ngày 20/04/2017)*  
Thành viên  
Thành viên

**Trụ sở chính đăng ký**

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai  
Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Việt Nam

**Văn Phòng đại diện  
tại TP HCM**

Tầng 5, tòa nhà Sunny Tower, 259 Trần Hưng Đạo  
Phường Cô Giang, Quận 1, TP. HCM  
Việt Nam

**Đơn vị kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Phan Phương Anh**  
*Tổng Giám đốc*

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-010/1



Trần Đình Vinh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0339-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 14-08-2017

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	<b>100</b>		<b>316.868.543.530</b>	<b>358.437.256.496</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>175.218.252.281</b>	<b>71.907.870.590</b>
1. Tiền	111		43.218.252.281	39.907.870.590
2. Các khoản tương đương tiền	112		132.000.000.000	32.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>138.008.705.873</b>	<b>280.728.860.559</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		145.529.608.343	299.205.109.632
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(7.520.902.470)	(18.476.249.073)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.628.178.576</b>	<b>5.770.638.347</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	1.137.500.000	1.802.500.000
2. Trả trước cho người bán	132		-	972.722.004
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	7	2.955.378.578	1.157.258.532
5. Các khoản phải thu khác	135	8	672.799.998	3.640.657.811
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	9	(1.137.500.000)	(1.802.500.000)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.406.800</b>	<b>29.887.000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.406.800	29.887.000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>126.361.463.367</b>	<b>95.829.233.104</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>56.603.888</b>	<b>49.143.297</b>
4. Phải thu dài hạn khác	218		56.603.888	49.143.297
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>699.609.883</b>	<b>827.303.015</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	636.693.207	739.219.675
<i>Nguyên giá</i>	222		3.306.863.426	3.244.988.426
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.670.170.219)	(2.505.768.751)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	62.916.676	88.083.340
<i>Nguyên giá</i>	228		317.750.000	317.750.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(254.833.324)	(229.666.660)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>124.316.906.705</b>	<b>94.815.961.500</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258		124.316.906.705	94.815.961.500
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.288.342.891</b>	<b>136.825.292</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.288.342.891	136.825.292
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>443.230.006.897</b>	<b>454.266.489.600</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B01a - CTQ**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2017 VND</b>	<b>31/12/2016 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>56.450.988.671</b>	<b>56.590.262.446</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>56.450.988.671</b>	<b>56.590.262.446</b>
2. Phải trả người bán	311		1.274.406.211	414.288.748
3. Người mua trả tiền trước	312		10.600.000.000	13.300.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	984.673.045	1.929.044.137
5. Phải trả người lao động	315		4.414.160.398	3.398.221.163
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	35.387.888.144	35.281.634.648
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.789.860.873	2.267.073.750
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>386.779.018.226</b>	<b>397.676.227.154</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	15(a)	323.795.000.000	323.795.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		100.000.000	100.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		9.715.260.955	10.168.182.247
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		14.140.696.798	13.116.278.749
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	15(b)	39.028.060.473	50.496.766.158
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>443.230.006.897</b>	<b>454.266.489.600</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này*



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
5. Ngoại tệ các loại (nguyên tệ)	005		4.131.966	3.960.331
<i>USD</i>			11.855	11.855
<i>JPY</i>			4.120.111	3.948.476
6. Chứng khoán lưu ký của Công ty quản lý quỹ	006		68.761.380.000	98.239.290.000
6.1. <i>Chứng khoán giao dịch</i>	007		68.761.380.000	98.239.290.000
6.7. <i>Chứng khoán chờ giao dịch</i>	013		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020		126.980.640.000	121.253.393.000
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	16	16.354.865.715	25.061.200.969
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước</i>	031		16.354.865.715	25.061.200.969
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài</i>	032		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	17	1.315.968.737.685	540.827.548.299
9.1. <i>Nhà đầu tư ủy thác trong nước</i>	041		1.315.968.737.685	540.827.548.299
9.2. <i>Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài</i>	042		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	18	46.802.401.592	46.521.640.393
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	19	1.387.009.552	2.126.928.407

Người lập:



Đặng Thị Hồng Hạnh  
Kế toán

Người kiểm tra:



Đoàn Kim Dung  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Phương Anh  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**Mẫu B02a - CTQ**

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
1. Doanh thu	01	20	15.640.242.817	7.570.104.580
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01)	10		15.640.242.817	7.570.104.580
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	21	10.613.746.930	6.979.788.826
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		5.026.495.887	590.315.754
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	32.258.626.092	34.255.305.932
7. Chi phí tài chính	22	23	3.182.830.058	2.457.725.229
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	3.704.345.490	3.328.110.284
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 25}	30		30.397.946.431	29.059.786.173
10. Thu nhập khác	31		351.311.161	-
11. Chi phí khác	32		351.310.793	-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		368	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		30.397.946.799	29.059.786.173
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	4.537.606.731	4.957.319.093
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		25.860.340.068	24.102.467.080
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	751	700

Người lập:



Đặng Thị Hồng Hạnh  
Kế toán

Người kiểm tra:



Đoàn Kim Dung  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Phương Anh  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**  
**(Phương pháp trực tiếp)**

**Mẫu B03a – CTQ**

	<b>Mã số</b>	<b>Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND</b>	<b>Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	201.039.594.944	168.287.400.363
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(90.034.329.029)	(203.988.902.107)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.625.828.013)	(6.420.230.534)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(5.328.339.204)	(3.097.087.747)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	19.465.666.967	50.780.995.763
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(27.476.120.775)	(10.065.645.639)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>91.040.644.890</b>	<b>(4.503.469.901)</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(30.000.000.000)
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24	50.397.767.873	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, đầu tư chứng khoán	25	(31.320.000.000)	-
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25.516.387.641	19.701.371.775
9. Tiền chi khác cho hoạt động đầu tư	29	(21.398.937)	(31.413.007)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>44.572.756.577</b>	<b>(10.330.041.232)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này*

	<b>Mã số</b>	<b>Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND</b>	<b>Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(32.328.925.000)	(30.904.668.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(32.328.925.000)</b>	<b>(30.904.668.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>103.284.476.467</b>	<b>(45.738.179.133)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>71.907.870.590</b>	<b>197.203.913.100</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	25.905.224	131.314.020
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (Thuyết minh 4) (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>175.218.252.281</b>	<b>151.597.047.987</b>

Người lập:



**Đặng Thị Hồng Hạnh**  
Kế toán

Người kiểm tra:



**Đoàn Kim Dung**  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



**Phan Phương Anh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB**

**Mẫu B05a – CTQ**

**Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm) trong năm		Số dư tại ngày		
	1/1/2016	1/1/2017	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016		30/6/2016 30/6/2017		
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	323.795.000.000	323.795.000.000	-	-	323.795.000.000	323.795.000.000	
Thặng dư vốn cổ phần	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000	
Quỹ dự phòng tài chính	6.515.296.516	10.168.182.247	1.702.433.551	-	(452.921.292)	8.217.730.067	
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	9.790.263.947	13.116.278.749	3.064.380.392	(1.239.214.442)	1.560.361.744	11.615.429.897	
Lợi nhuận chưa phân phối	53.381.175.542	50.496.766.158	24.102.467.080	(37.992.548.622)	25.860.340.068	39.491.094.000	
	<b>393.581.736.005</b>	<b>397.676.227.154</b>	<b>28.869.281.023</b>	<b>(39.231.763.064)</b>	<b>27.420.701.812</b>	<b>(38.317.910.740)</b>	<b>383.219.253.964</b>
							<b>386.779.018.226</b>

Người lập:



Đặng Thị Hồng Hạnh  
Kế toán

Người kiểm tra:



Đoàn Kim Dung  
Kế toán trưởng

Ngày 14 tháng 8 năm 2017



Người duyệt:

Phan Phương Anh  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này*



Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 0104000473 ngày 19 tháng 9 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 21/UBCK-GPĐCQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 8, tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội và một (01) văn phòng đại diện Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán.

Chi tiết về các quỹ đầu tư đang được Công ty quản lý như sau:

<b>STT</b>	<b>Quỹ đầu tư</b>	<b>Hình thức</b>
1	Quỹ Đầu tư Japan Asia MB Capital	Quỹ thành viên
2	Quỹ Đầu tư trái phiếu MB Capital Việt Nam	Quỹ đại chúng dạng mở
3	Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital	Quỹ đại chúng dạng mở

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn cổ phần của Công ty là 323.795.000.000 VND (31/12/2016: 323.795.000.000 VND). Mệnh giá của một cổ phần là 10.000 VND.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 27 nhân viên (31/12/2016: 26 nhân viên), trong đó có 10 người được cấp chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư (“Thông tư 125”) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp

**(c) Giả định hoạt động liên tục**

Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và nhận thấy Công ty có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Ban Giám đốc không nhận thấy có sự không chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

**(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6.

**(e) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Phân loại**

Chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào để bán ra trong ngắn hạn kiếm lời được phân loại là các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn. Các khoản chứng khoán đầu tư khác được phân loại là các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

**(ii) Ghi nhận**

Công ty ghi nhận chứng khoán và các khoản đầu tư dài hạn khác vào ngày Công ty chính thức trở thành một bên theo các điều khoản hợp đồng có hiệu lực của các khoản đầu tư (hạch toán vào ngày giao dịch). Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế cộng với các chi phí mua (nguyên giá); sau đó, được ghi nhận theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá (nếu có).

**(iii) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính**

Việc trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 (“Thông tư 89”) và Thông tư số 146/2014/TT/BTC ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 về việc hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ (“Thông tư 146”).

*Dự phòng chứng khoán đầu tư ngắn hạn*

Dự phòng giảm giá chứng khoán được trích lập cho các chứng khoán có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Theo Thông tư 146, cơ sở xác định giá chứng khoán thực tế trên thị trường để trích lập dự phòng cho từng loại chứng khoán như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng.
- Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

*Dự phòng chứng khoán đầu tư dài hạn*

- Đối với các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty chưa niêm yết, dự phòng giảm giá được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của Thông tư 89. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.
- Đối với chứng chỉ quỹ thành viên/quỹ mở, dự phòng giảm giá được trích lập nếu giá trị tài sản ròng (NAV) trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ nhỏ hơn giá gốc.

Trường hợp không thể thu thập báo giá và/hoặc các thông tin trên thị trường là không đáng tin cậy và/hoặc không thể thu thập được, chứng khoán sẽ được phản ánh theo giá trị ghi sổ tại ngày trích lập dự phòng.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán, Công ty áp dụng mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 228 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Không quá hạn hoặc quá hạn dưới sáu (06) tháng	0%
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• Máy móc thiết bị	3 đến 5 năm
• Phương tiện vận chuyển	6 năm
• Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 năm

---

(f) **Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(g) **Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

(h) **Vốn cổ phần**

(i) **Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

(ii) **Thặng dư vốn cổ phần**

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(i) **Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được trích lập các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

(i) **Các quỹ dự trữ theo quy định**

Theo Thông tư 146, lợi nhuận thực hiện của công ty quản lý quỹ sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

---

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập nhằm phục vụ việc bổ sung vốn điều lệ của Công ty trong trường hợp cần thiết.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến cho các nhân tố khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế hoặc tài chính trong nước hay nước ngoài.

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ không được sử dụng để chi trả cổ tức.

**(ii) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

*Quỹ hỗ trợ kinh doanh*

Quỹ này được trích lập để hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.

**(j) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(k) Doanh thu và thu nhập khác**

Doanh thu được ghi nhận khi có khả năng chắc chắn rằng Công ty sẽ thu được các lợi ích kinh tế và doanh thu đó có thể được tính toán một cách đáng tin cậy.

**(i) Phí quản lý và tư vấn đầu tư chứng khoán**

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý/tư vấn đầu tư.

**(ii) Phí thưởng hoạt động**

Phí thưởng hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giá trị tài sản ròng của danh mục đầu tư vượt ngưỡng lợi nhuận kỳ vọng được xác định trên hợp đồng.



**(iii) Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(v) Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán**

Công ty ghi nhận doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán dựa trên chênh lệch của giá bán và giá gốc trên sổ sách của chứng khoán đó.

**(l) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

**(m) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

**(n) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán như được định nghĩa trong Thông tư 125 được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

**(o) Số dư bằng không**

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 125 không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	338.412.400	336.412.950
Tiền gửi ngân hàng	42.879.839.881	39.571.457.640
Các khoản tương đương tiền (i)	132.000.000.000	32.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	175.218.252.281	71.907.870.590
	<hr/>	<hr/>

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm số ngoại tệ khác VND tương đương 1.096.656.502 VND (31/12/2016: 1.035.912.806 VND).

- (i) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng bằng VND, hưởng lãi suất từ 5,2% đến 5,3%/năm (31/12/2016: từ 4,4% đến 5,3%/năm).

**5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>30/6/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (i)	145.529.608.343	299.205.109.632
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (ii)	(7.520.902.470)	(18.476.249.073)
	<hr/>	<hr/>
	138.008.705.873	280.728.860.559
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a - CTQ**

(i) Chi tiết các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn như sau:

	30/6/2017		31/12/2016	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
<b>Cổ phiếu</b>	<b>8.194.141</b>	<b>145.529.608.343</b>	<b>13.469.207</b>	<b>248.640.899.883</b>
Cổ phiếu niêm yết	6.876.138	104.210.207.026	9.823.929	178.910.717.260
<i>Bao gồm các mã giảm giá:</i>	<i>1.600.540</i>	<i>22.199.172.847</i>	<i>3.160.080</i>	<i>68.291.189.073</i>
CAV	63.340	5.127.267.001	476.680	40.140.869.769
SWC	350.000	5.861.207.877	-	-
NDN	-	-	850.000	9.268.191.465
TJC	870.600	8.477.813.536	863.600	8.420.778.111
SDT	-	-	653.200	7.728.465.295
G20	316.600	2.732.884.433	316.600	2.732.884.433
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.318.003	41.319.401.317	1.318.003	42.209.969.623
<i>Bao gồm các mã giảm giá:</i>	<i>618.003</i>	<i>4.659.969.623</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần Tổng công ty</i>				
<i>MBLand</i>	46.575	620.699.623	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải</i>				
<i>Việt Nam</i>	571.428	4.039.270.000	-	-
Chứng chỉ quỹ	-	-	2.327.275	27.520.213.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>50.564.209.749</b>
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	50.564.209.749
		<u>145.529.608.343</u>		<u>299.205.109.632</u>

(ii) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	18.476.249.073	3.685.801.340
(Hoàn nhập)/trích lập trong kỳ (Thuyết minh 23)	(10.955.346.603)	1.956.914.091
Số dư cuối kỳ	<u>7.520.902.470</u>	<u>5.642.715.431</u>

## 6. Phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán đã quá hạn trên 3 năm và Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ (Thuyết minh 9).

**7. Phải thu hoạt động nghiệp vụ**

	<b>30/6/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	1.729.452.642	538.660.861
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	1.213.376.128	520.456.704
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	12.549.808	98.140.967
	<hr/>	<hr/>
	2.955.378.578	1.157.258.532
	<hr/>	<hr/>

**8. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu lãi tiền gửi, cổ tức	546.799.998	3.454.421.811
Đặt cọc thuê văn phòng	95.000.000	95.000.000
Các khoản phải thu khác	31.000.000	91.236.000
	<hr/>	<hr/>
	672.799.998	3.640.657.811
	<hr/>	<hr/>

**9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<b>Thời gian</b>	<b>30/6/2017</b>		<b>31/12/2016</b>	
		<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>quá hạn</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nợ quá hạn</b>					
Công ty Cổ phần xây dựng Công					
Trình Ngâm	Trên 3 năm	1.137.500.000	1.137.500.000	1.137.500.000	1.137.500.000
Ông Vũ Thanh Hải	Trên 3 năm	-	-	665.000.000	665.000.000
		<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
		1.137.500.000	1.137.500.000	1.802.500.000	1.802.500.000
		<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn từ</b>	<b>Giai đoạn từ</b>
	<b>1/1/2017 đến</b>	<b>1/1/2016 đến</b>
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	1.802.500.000	1.640.672.098
Hoàn nhập trong kỳ (Thuyết minh 24)	(665.000.000)	(37.672.098)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.137.500.000	1.603.000.000
	<hr/>	<hr/>

## 10. Tài sản cố định hữu hình

Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	782.247.726	2.462.740.700	-	3.244.988.426
Tăng trong kỳ	-	-	61.875.000	61.875.000
Số dư cuối kỳ	782.247.726	2.462.740.700	61.875.000	3.306.863.426
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	695.071.375	1.810.697.376	-	2.505.768.751
Khấu hao trong kỳ	62.792.992	95.420.976	6.187.500	164.401.468
Số dư cuối kỳ	757.864.367	1.906.118.352	6.187.500	2.670.170.219
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	87.176.351	652.043.324	-	739.219.675
Số dư cuối kỳ	24.383.359	556.622.348	55.687.500	636.693.207

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản với nguyên giá 1.974.086.726 VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2016: 1.827.849.726 VND).



**Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016**

	<b>Máy móc thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	782.247.726	2.462.740.700	3.244.988.426
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	548.792.383	1.619.855.424	2.168.647.807
Khấu hao trong kỳ	73.139.496	95.420.976	168.560.472
Số dư cuối kỳ	621.931.879	1.715.276.400	2.337.208.279
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	233.455.343	842.885.276	1.076.340.619
Số dư cuối kỳ	160.315.847	747.464.300	907.780.147

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm vi tính</b>	
	<b>Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND</b>	<b>Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	317.750.000	317.750.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	229.666.660	128.381.932
Khấu hao trong kỳ	25.166.664	52.958.328
Số dư cuối kỳ	254.833.324	181.340.260
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu kỳ	88.083.340	189.368.068
Số dư cuối kỳ	62.916.676	136.409.740

## 12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2017		31/12/2016	
	Số lượng	Giá gốc và giá trị ghi sổ VND	Số lượng	Giá gốc và giá trị ghi sổ VND
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
Chứng khoán đã niêm yết (i)	500.000	5.000.000.000	-	-
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	2.880.061	38.815.961.500	3.380.061	43.815.961.500
Chứng chỉ quỹ	8.000.000	80.500.945.205	5.100.000	51.000.000.000
		124.316.906.705		94.815.961.500

- (i) Đây là khoản chứng khoán Công ty đã cam kết bán cho khách hàng theo hợp đồng đặt cọc mua bán chứng khoán. Công ty đã nhận được khoản tiền đặt cọc từ hợp đồng này và hiện đang được phong tỏa tại Ngân hàng. Các cổ phiếu này đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng

## 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	650.889.725	1.441.622.198
Thuế thu nhập cá nhân	199.774.167	477.933.838
Các loại thuế khác	134.009.153	9.488.101
	984.673.045	1.929.044.137

## 14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
Người mua trả tiền trước (i)	35.000.000.000	35.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	387.888.144	281.634.648
	35.387.888.144	35.281.634.648

- (i) Đây là khoản Công ty nhận đặt cọc để thực hiện các hợp đồng mua bán chứng khoán. Các khoản này không có thời hạn và không chịu lãi.

## 15. Vốn chủ sở hữu

### (a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2017		31/12/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	32.379.500	323.795.000.000	32.379.500	323.795.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	32.379.500	323.795.000.000	32.379.500	323.795.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	32.379.500	323.795.000.000	32.379.500	323.795.000.000

### (b) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	50.496.766.158	53.381.175.542
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	25.860.340.068	24.102.467.080
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.340.542.616)	(2.270.724.679)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	(1.560.361.744)	(4.766.813.943)
Chi thường vượt kế hoạch	(540.499.951)	-
Nộp bổ sung thuế các năm trước	(508.141.442)	-
Trả cổ tức (*)	(32.379.500.000)	(30.955.010.000)
Số dư cuối kỳ	39.028.060.473	39.491.094.000

(\*) Tại cuộc họp ngày 20 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 32.379.500.000 VND (1.000 VND trên một cổ phiếu).



**16. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác**

	<b>Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND</b>	<b>Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
Số dư đầu kỳ	25.061.200.969	33.807.922.058
Số tăng trong kỳ	1.690.371.992.760	547.118.895.819
Số giảm trong kỳ	(1.699.078.328.014)	(554.866.502.042)
Số dư cuối kỳ	<u>16.354.865.715</u>	<u>26.060.315.835</u>

**17. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác**

	<b>30/6/2017 VND</b>	<b>31/12/2016 VND</b>
<b>Nhà đầu tư ủy thác trong nước</b>	1.315.968.737.685	540.827.548.299
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	592.709.263.325	221.705.533.939
<i>Bao gồm các mã cổ phiếu bị giảm giá:</i>		
CAV	-	33.264.822.500
FCN	-	2.460.480.693
NDN	-	4.086.600.720
NTL	-	5.678.674.956
PVI	-	12.686.280.920
SD6	4.228.893.840	4.185.328.590
SD9	12.838.992.201	12.838.992.201
SDT	6.012.803.855	6.012.803.855
SHB	105.000.000.000	-
SFG	-	14.268.051.912
SSN	-	43.784.543.800
SWC	50.425.525.000	-
VIC	46.063.706.073	-
VNR	-	3.166.843.150
<b>Cổ phiếu không niêm yết</b>	426.759.474.360	155.222.014.360
<i>Bao gồm các mã cổ phiếu bị giảm giá:</i>		
VSTAO	2.148.399.360	2.148.399.360
VASS	871.885.000	871.885.000
Tiền gửi có kỳ hạn	<u>296.500.000.000</u>	<u>163.900.000.000</u>
	<u>1.315.968.737.685</u>	<u>540.827.548.299</u>

**18. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác**

	<b>30/6/2017</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>
Phải thu bán chứng khoán	46.143.392.877	45.851.065.028
Phải thu tiền cổ tức	243.180.000	613.500.000
Phải thu lãi tiền gửi	415.828.715	57.075.365
	<hr/> 46.802.401.592	<hr/> 46.521.640.393

**19. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác**

	<b>30/6/2017</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>
Phải trả tiền mua chứng khoán	-	1.565.526.773
Phải trả phí quản lý	1.213.376.128	520.456.704
Phải trả ngân hàng lưu ký	55.133.424	26.594.760
Phải trả khác	118.500.000	14.350.170
	<hr/> 1.387.009.552	<hr/> 2.126.928.407

**20. Doanh thu hoạt động nghiệp vụ**

	<b>Giai đoạn từ</b> <b>1/1/2017 đến</b> <b>30/6/2017</b> <b>VND</b>	<b>Giai đoạn từ</b> <b>1/1/2016 đến</b> <b>30/6/2016</b> <b>VND</b>
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	4.256.655.908	3.285.356.669
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	4.778.355.263	2.931.574.367
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	344.822.319	590.183.843
Doanh thu từ phí thưởng hoạt động	3.294.929.899	-
Doanh thu khác (*)	2.965.479.428	762.989.701
	<hr/> 15.640.242.817	<hr/> 7.570.104.580

(\*) Đây là phần phí nhận được liên quan đến việc phát hành chứng chỉ quỹ cho các quỹ đầu tư mà Công ty đang quản lý và doanh thu từ các nghiệp vụ khác.

## 21. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Chi phí lương, phụ cấp, thù lao, bảo hiểm	5.577.341.004	4.692.265.689
Chi phí quản lý quỹ và danh mục đầu tư chứng khoán	2.985.921.172	837.616.956
Chi phí vật liệu, dụng cụ quản lý	283.025.235	149.701.762
Chi phí khấu hao tài sản cố định	189.568.132	221.518.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.168.019.275	770.526.044
Chi phí khác	409.872.112	308.159.575
	<hr/>	<hr/>
	10.613.746.930	6.979.788.826

## 22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	14.829.720.596	19.700.208.906
Thu nhập cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi ngân hàng	17.402.030.399	14.412.424.244
Doanh thu hoạt động tài chính khác	26.875.097	142.672.782
	<hr/>	<hr/>
	32.258.626.092	34.255.305.932

## 23. Chi phí tài chính

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh 5)	13.886.763.288	236.381.980
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	(10.955.346.603)	1.956.914.091
	251.413.373	264.429.158
	<hr/>	<hr/>
	3.182.830.058	2.457.725.229



**24. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND</b>	<b>Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
Chi phí lương, phụ cấp, thù lao, bảo hiểm	2.763.630.533	2.336.524.952
Chi phí dịch vụ mua ngoài	379.571.986	283.997.423
Thuế, phí và lệ phí	16.752.000	12.031.000
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 9)	(665.000.000)	(37.672.098)
Chi phí khác	1.209.390.971	733.229.007
	3.704.345.490	3.328.110.284

**25. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

	<b>Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND</b>	<b>Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	30.397.946.799	29.059.786.173
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	6.079.589.360	5.811.957.235
Cổ tức bằng tiền nhận được trước ngày đầu tư (*)	286.322.897	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	50.400.000	48.226.086
Thu nhập không bị tính thuế	(1.878.705.526)	(902.864.228)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	4.537.606.731	4.957.319.093

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (2016: 20%).

- (\*) Đây là phần cổ tức mà Công ty nhận được từ chứng chỉ quỹ cho khoảng thời gian trước ngày đầu tư và được thông báo là khoản thu nhập chịu thuế. Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC về Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, các khoản cổ tức này không được ghi nhận là doanh thu mà ghi nhận giảm giá vốn.

**26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ ước tính vào quỹ khen thưởng và phúc lợi với số tiền là 1.551.620.404 VND, tương đương 6% lợi nhuận thuần trong kỳ là 25.860.340.068 VND (giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 1.446.148.025 VND, tương đương 6% của lợi nhuận thuần trong kỳ là 24.102.467.080 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền 32.379.500 cổ phiếu (2016: 32.379.500 cổ phiếu), chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND</b>	<b>Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	25.860.340.068	24.102.467.080
Số phân bổ ước tính vào quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.551.620.404)	(1.446.148.025)
	24.308.719.664	22.656.319.055

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017</b>	<b>Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	32.379.500	32.379.500

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND</b>	<b>Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu tạm tính	751	700

## 27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ và tại thời điểm cuối năm, Công ty có các giao dịch và các số dư chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Số dư tại ngày	
	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
<b>Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)</b>		
Tiền gửi tại MB	37.786.403.489	38.207.829.225
Phải thu lãi và phí	61.658.281	156.465.306
Phải trả dịch vụ khác	(82.458.128)	(31.480.989)
<b>Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)</b>		
Tiền gửi giao dịch chứng khoán	1.342.719.571	395.525.632
Phải trả phí phân phối chứng chỉ quỹ	87.184	147.562
<b>Quỹ Đầu tư Japan Asia MB Capital</b>		
Đầu tư tài chính dài hạn	80.500.945.205	51.000.000.000
	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND</b>	<b>Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
<b>Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)</b>		
Doanh thu từ lãi và phí	136.370.642	1.917.883.576
Phí giao dịch và phí khác	(1.780.466.801)	(369.093.057)
Cổ tức trả trong kỳ	(29.390.000.000)	(27.970.170.000)
<b>Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)</b>		
Doanh thu từ lãi và phí tư vấn chứng khoán	43.530.582	146.160.871
Phí giao dịch chứng khoán	(92.719.507)	(362.093.726)
<b>Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (MB AMC)</b>		
Chi phí thuê văn phòng	(915.024.021)	(585.132.485)
<b>Công ty TNHH Việt R.E.M.A.X</b>		
Chi phí thuê văn phòng	(113.125.358)	(111.364.100)
<b>Quỹ Đầu tư Japan Asia MB Capital</b>		
Phí quản lý	2.310.577.531	2.424.678.742
Phí thưởng hoạt động	2.017.501.279	-
<b>Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Hội đồng đầu tư và Ban Giám đốc</b>		
Lương, thưởng và thù lao	3.343.180.817	3.186.270.000



## **28. Các yếu tố theo chu kỳ**

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ ngoại trừ các khoản mục sau:

### **(a) Thuế**

Theo luật thuế hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán vào thời điểm cuối năm.

### **(b) Tiền thưởng của nhân viên**

Công ty chưa ghi nhận các khoản tiền thưởng cuối năm cho nhân viên vì các khoản tiền thưởng này không thể ước tính được một cách đáng tin cậy vào ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Người lập:



**Đặng Thị Hồng Hạnh**  
*Kế toán*

Người kiểm tra:



**Đoàn Kim Dung**  
*Kế toán trưởng*

Người duyệt:



**Phạm Phương Anh**  
*Tổng Giám đốc*

Ngày 14 tháng 8 năm 2017